

Số: 14/2017/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2017

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thực hiện văn bản số 10126/VPCP-KTN ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc bổ sung hợp đồng PPP tương tự theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP trong lĩnh vực nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chi tiết về lĩnh vực đầu tư; nội dung đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Nông nghiệp bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và thủy lợi.
2. Sản phẩm nông nghiệp bao gồm: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi; lâm sản; thủy sản và muối.
3. Nông dân bao gồm: Người làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, khai thác và nuôi trồng thủy sản, làm muối.
4. Dự án Dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (gọi tắt là dự án DVC) là dự án cung cấp các dịch vụ để hình thành liên kết giữa nông dân, hợp tác xã nông nghiệp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để tổ chức sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp.
5. Dịch vụ để hình thành liên kết giữa nông dân, hợp tác xã nông nghiệp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án gồm 3 nhóm:
 - a) Nhóm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp gồm các dịch vụ: Cung cấp vật tư đầu vào, tài chính, tín dụng, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, tư vấn khoa học công nghệ và chính sách, khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, thú y, bảo vệ thực vật;
 - b) Nhóm dịch vụ bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp gồm các dịch vụ: Bảo quản (dự trữ, làm lạnh, sấy khô, xông hơi, khử trùng, chiếu xạ), sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp;
 - c) Nhóm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gồm các dịch vụ: Bao tiêu sản phẩm, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng, đánh giá sự phù hợp, xây dựng thương hiệu nông sản và các dịch vụ hậu cần.

6. Hợp đồng Dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (gọi tắt là hợp đồng DVC) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để thực hiện dự án Dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp dịch vụ, thực hiện liên kết với nông dân, hợp tác xã nông nghiệp và được quyền quản lý, vận hành dự án, thu phí dịch vụ từ người hưởng dịch vụ (nếu có) nhưng phải bao tiêu sản phẩm nông nghiệp theo thỏa thuận; cơ quan nhà nước có thẩm quyền tham gia vào dự án bằng tiền hoặc bằng hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật; sau khi kết thúc hợp đồng dự án, nhà đầu tư chuyển giao lại tài sản, công trình dự án (nếu có) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thỏa thuận.

7. Hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (gọi tắt là hợp đồng dự án) bao gồm các loại hợp đồng quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 3 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và hợp đồng quy định tại Khoản 6 Điều này.

Điều 4. Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong nông nghiệp, nông thôn

1. Dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gồm:

- a) Công trình hoặc hạng mục công trình thuộc hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc kết hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đời sống dân sinh;
- b) Công trình hoặc hạng mục công trình cấp nước sinh hoạt cho người dân nông thôn;
- c) Công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản và hạ tầng nghề cá khác;
- d) Công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi;
- đ) Công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng;
- e) Công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến muối;
- g) Công trình kho dự trữ, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
- h) Công trình hoặc hạng mục công trình kết cấu hạ tầng khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- i) Công trình hoặc hạng mục công trình thuộc cơ sở kiểm dịch, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định và chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản;
- k) Công trình thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải, ô nhiễm môi trường nông thôn.

2. Dự án DVC gồm ít nhất 2 dịch vụ trong các nhóm dịch vụ quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư này, trong đó phải có dịch vụ bao tiêu sản phẩm nông nghiệp.

Điều 5. Hướng dẫn nội dung đề xuất dự án

1. Nội dung đề xuất dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư số [02/2016/TT-BKHĐT](#) ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nội dung đề xuất dự án DVC được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 6. Hướng dẫn nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

1. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục III Thông tư số [02/2016/TT-BKHĐT](#) ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án DVC được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 7. Hướng dẫn nội dung hợp đồng dự án

1. Nội dung hợp đồng dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được lập theo hướng dẫn tại Điều 10, Chương III và Phụ lục I Thông tư số [06/2016/TT-BKHĐT](#) ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nội dung hợp đồng dự án DVC được lập theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục III của Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các quy định tại Điều 69 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc quản lý các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ quản lý như sau:

- Vụ Kế hoạch

Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng kế hoạch đầu tư công các dự án PPP.

Chủ trì tổng hợp, thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt đề xuất dự án PPP; công bố danh mục dự án sau khi đề xuất dự án được phê duyệt.

Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng quyết định chủ trương lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.

Chủ trì tổng hợp, thẩm định trình Bộ trưởng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án DVC (trừ dự án DVC có cấu phần xây dựng) sau khi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

Chủ trì tổ chức đàm phán hợp đồng dự án; tham mưu trình Bộ trưởng việc ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết và ủy quyền thực hiện hợp đồng dự án đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án là đối tác đầu tư trong nước.

Giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án là đối tác đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật.

- Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì tổ chức đàm phán hợp đồng dự án; tham mưu trình Bộ trưởng ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết và ủy quyền thực hiện hợp đồng dự án đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án là đối tác đầu tư nước ngoài.

Giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án là đối tác đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Vụ Tài chính

Chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng xác định giá trị vốn đầu tư là tài sản của nhà nước tham gia thực hiện dự án (bao gồm cả đất đai) theo quy định.

Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quyết toán phần vốn đầu tư của nhà nước tham gia dự án theo quy định của pháp luật.

- Cục Quản lý xây dựng công trình

Chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án PPP xây dựng công trình kết cấu hạ tầng được Bộ giao quản lý và dự án DVC có cấu phần xây dựng.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; giám sát chất lượng công trình và việc thực hiện các quy định trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành

Tổ chức lập đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công quản lý theo quy định.

Tham gia thẩm định đối với đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do đơn vị khác lập thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công quản lý theo quy định.

Chủ trì đàm phán nội dung hợp đồng dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công quản lý theo quy định.

Ký kết, thực hiện hợp đồng dự án nhóm B và C theo quy định khi được Bộ trưởng ủy quyền.

Thực hiện quyền nhận chuyển giao tài sản dự án (nếu có) sau khi dự án kết thúc.

2. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo các quy định tại Điều 70 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2017.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định mới tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Website Chính phủ, cổng báo Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ NN và PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Website Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, KH.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng

PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN DVC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của dự án, đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư lập đề xuất dự án (ĐXDA) theo các nội dung dưới đây:

A. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các nội dung được phân tích chi tiết tại các phần sau, tóm tắt một số thông tin cơ bản của dự án tại phần này, bao gồm:

- Tên dự án;
- Mục tiêu của dự án;
- Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng với nhà đầu tư;
- Tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án;
- Địa điểm, phạm vi thực hiện dự án;
- Quy mô, công suất, năng lực dự án;
- Nhu cầu sử dụng đất (nếu có);
- Yêu cầu về kỹ thuật;
- Dự kiến tổng vốn đầu tư;
- Vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có);
- Loại hợp đồng dự án;
- Phương án tài chính sơ bộ (phương án tài chính đối với dự án nhóm C);
- Thời gian hợp đồng dự án;
- Ưu đãi và đảm bảo đầu tư;
- Các nội dung liên quan khác (nếu có).

B. CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

Liệt kê các văn bản pháp lý làm căn cứ lập đề xuất dự án, bao gồm:

- Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến việc triển khai dự án đầu tư theo hình thức PPP;
- Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến ngành, lĩnh vực đầu tư của dự án;
- Các quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực của quốc gia, địa phương liên quan đến dự án;
- Các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền trong các bước lựa chọn sơ bộ dự án và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

C. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Thuyết minh sự cần thiết đầu tư dự án thông qua các nội dung dưới đây:

1. Bối cảnh chung

Thuyết minh sơ bộ bối cảnh chung về kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng, địa phương trong giai đoạn dự án được triển khai, nhận định các lợi ích kiến dự án sẽ đóng góp cho quốc gia, vùng, địa phương. Đánh giá tổng quan về ngành, lĩnh vực mà dự án đề xuất, những ảnh hưởng đến việc triển khai dự án và ảnh hưởng dự án đến nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Phân tích sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế -